

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HS-ST
Ngày: 01 - 11 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Bờ;

Bà Trương Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Khanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2018/TLST- HS ngày 14 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Châu Thị Đ, sinh năm 1962, tại An Giang; Nơi cư trú: Ấp VL, xã VL, huyện AP, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo phật; Nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Châu Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1938; chị, em ruột có 05 người, bị cáo là người thứ nhất; có chồng là Phạm Văn L, sinh năm 1963; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giam; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Mai Thị HD, sinh năm 1960; Nơi cư trú: Ấp Vĩnh Phú, xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Ấp Lê Văn Quới, xã Tập Ngãi, huyện Tiều Cần, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

- *Những người làm chứng:*

1. Ông Trần Văn T2, sinh 1974 (Vắng mặt);

2. Ông Hồ Minh T3, sinh năm 1979, (Vắng mặt);

- 3 Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1971, (Vắng mặt);
4. Bà Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1996, (Có mặt);
5. Bà Nguyễn Thị Bảo T4, sinh năm 1995, (Có mặt);
6. Bà Lữ Thị Tuyết L, sinh năm 1991, (Vắng mặt);
7. Bà Nguyễn Thị Kim T5, sinh năm 1981, (Vắng mặt);
8. Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1990, (Vắng mặt);
9. Ông Đỗ Cao Q, sinh năm 1988, (Có mặt);
10. Ông Nguyễn Việt H2, sinh năm 1961, (Có mặt);
11. Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1987, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/12/2002, Mai Thị HD kinh doanh nhà trọ “TT” tại ấp VP, xã VTT, huyện CP, tỉnh An Giang. Khoảng tháng 7/2017, Đ thuê Châu Thị Đ làm quản lý nhà trọ với các công việc như tiếp tân, vệ sinh phòng trọ, thu tiền khách đến thuê phòng rồi giao lại cho Đ với mức lương 4.000.000 đồng/ tháng.

Khoảng 19 giờ ngày 11/02/2018, Nguyễn Thị Thanh T1 cùng Hồ Minh T3 đến gặp Đ thuê phòng trọ để thực hiện hành vi mua bán dâm, Đ đồng ý và hướng dẫn vào phòng số 14 để thực hiện hành vi. Sau khi thực hiện xong hành vi mua bán dâm, T3 trả tiền mua dâm 200.000 đồng cho T1 thì T1 trả tiền thuê phòng 50.000 đồng cho Đ. Sau đó, T1 tiếp tục cùng Trần Văn T2 đến gặp Đ thuê phòng trọ để bán dâm, Đ đồng ý và hướng dẫn vào phòng số 12. Khi đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị lực lượng Công an huyện Châu Phú bắt quả tang.

Quá trình điều tra Đ còn khai nhận có nhiều lần cho Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Kim T5, Nguyễn Thị Huỳnh N, Nguyễn Thị Bảo T4 (Chuột), Lữ Thị Tuyết L và một số gái bán dâm khác (không rõ họ và địa chỉ cụ thể) như: M, L1, N1, N2, D, T6, T7, T8, T9, T10 thuê phòng trọ của nhà trọ “TT” do Đ trực tiếp quản lý để bán dâm.

Bà Mai Thị HD trình bày: Bà có kinh doanh nhà trọ “TT” tại ấp VP, xã VTT, huyện CP, tỉnh An Giang. Khoảng tháng 7/2017, bà thuê Châu Thị Đ làm quản lý nhà trọ với mức lương 4.000.000 đồng/ tháng và giao làm công việc tiếp tân, vệ sinh phòng trọ, thu tiền khách đến thuê phòng giao lại cho Dung. Việc bà Đ cho các khách thuê phòng trọ để thực hiện hành vi mua bán dâm không phải là chủ trương của bà, bà hoàn toàn không biết sự việc.

Trong qua trình điều tra, những người làm chứng trình bày phù hợp với nội dung vụ án.

Căn cứ biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 12/02/2018, ghi nhận:

Dãy phòng trọ có mái lợp tole, tường bê tông kiên cố, nền lát gạch bông màu trắng, các phòng đều có kích thước (5 X 2,9)m có một cửa ra vào bằng gỗ kích thước (2 X 1,5) m, có nhà vệ sinh riêng, có một giường kích thước (2,1 X 1,7 X 0,3) m đặt tại góc trong bên trái phòng, mặt bàn ở góc ngoài bên trái phòng. Khu vực xảy ra tại các phòng 12, phòng 13, phòng 14.

Tiến hành khám nghiệm hiện trường theo từng khu vực từ phòng 12 đến phòng 14 thấy:

Khu vực phòng 12: Trên giường phát hiện đồ lót, các tờ tiền Việt Nam đồng, một điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh đen và nhiều bao cao su chưa qua sử dụng, cặp sát đầu giường bên phải, trên nền phát hiện một bao cao su đã qua sử dụng.

Khu vực phòng 13: Tại vị trí chân cửa nhà vệ sinh bên trái (theo hướng từ ngoài nhìn vào) phát hiện một vỏ bao cao su đã xé, tại vị trí góc trong bên phải nhà vệ sinh, cách vị trí vỏ bao cao su 1,9m phát hiện một bao cao su đã qua sử dụng, bên trong có dịch màu trắng (nghĩ là tinh dịch).

Khu vực phòng số 14: Tại vị trí góc ngoài bên trái nhà vệ sinh có đặt một sọt rác, bên trong sọt rác phát hiện hai bao cao su đã qua sử dụng, bên trong có dịch màu trắng (nghĩ là tinh dịch).

Tại bản Cáo trạng số 21/CT-VKSCP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú đã truy tố Châu Thị Đ về tội “*Chứa mại dâm*”, theo điểm c, d khoản 2 Điều 327, Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Viện kiểm sát đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 327; điểm r, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 đề nghị xử phạt bị cáo Châu Thị Đ từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Về xử lý vật chứng, đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 9.820.000 đ; tịch thu tiêu hủy các đồ vật gồm: 07 cái bao cao su hiệu CondomHualei, chưa qua sử dụng, 03 cái bọc sữa tắm hiệu Familiar chưa qua sử dụng, 01 cái vỏ bao cao su hiệu CondomHualei đã bị xé và 01 cái bao cao su đã qua sử dụng; tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án 01 quyển tập học sinh bên trong có chữ viết và chữ ký của Châu Thị Đ.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Châu Thị Đ đã khai nhận:

Bị cáo được bà Mai Thị HD thuê quản lý nhà trọ TT, D trả lương 4.000.000 đồng/tháng. Trong thời gian được giao quản lý nhà trọ, bị cáo biết

Nguyễn Thị Thanh T1 và một số người phụ nữ khác như Nguyễn Thị Kim T5, Nguyễn Thị Huỳnh N, Nguyễn Thị Bảo T4(Chuột), Lữ Thị Tuyết L và một số người phụ nữ khác (không rõ họ và địa chỉ cụ thể) như: M, L1, N1, N2, D, T6, T7, T8, T9, T10 là gái bán dâm đến thuê phòng trọ để thực hiện hành vi mua bán dâm, nhưng bị cáo vẫn chấp nhận cho thuê phòng để thu lợi.

Vào khoảng 19 giờ ngày 11/02/2018, bị cáo có cho Nguyễn Thị Thanh T1 thuê phòng để bán dâm cho Hồ Minh T3, sau đó tiếp tục cho Nguyễn Thị Thanh T1 thuê phòng bán dâm cho ông Trần Văn T2 thì bị Công an đến kiểm tra bắt quả tang.

Bị cáo nhận tội, không tranh luận, bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Mai Thị HD trình bày: D là chủ nhà trọ TT, vào tháng 7 năm 2017 Dung có thuê Châu Thị Đ làm công việc quản lý nhà trọ, trả lương 4.000.000đ/ tháng. Việc bị cáo Đ cho gái bán dâm thuê phòng làm nơi bán dâm cho khách thì D không biết. Tuy nhiên qua sự việc bị cáo Đ bị Công an bắt quả tang về hành vi cho gái bán dâm thuê phòng trọ làm nơi bán dâm, D đã tự nguyện nộp lại số tiền thu được từ việc Đ cho các gái bán dâm thuê phòng trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2017 đến ngày 11/02/2018 với số tiền là 9.270.000đ để cơ quan pháp luật xử lý theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trong giai đoạn điều tra và truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, nên không xem xét đến.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, trong quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra đã thu thập được lời khai của những người này, nên việc vắng mặt của những người làm chứng không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa, bị cáo Châu Thị Đ đã khai nhận bị cáo được bà D giao quản lý nhà trọ TT. Bị cáo biết Nguyễn Thị Thanh T1 và một số người phụ nữ khác như Nguyễn Thị Kim T5, Nguyễn Thị Huỳnh N, Nguyễn Thị Bảo T4 (Chuột), Lữ Thị Tuyết L và một số người phụ nữ khác (không rõ họ và địa chỉ cụ thể) như: M, L1, N1, N2, D, T6, T7, T8, T9, T10 là gái bán dâm đến thuê phòng trọ

để thực hiện hành vi mua bán dâm, nhưng bị cáo vẫn cho thuê phòng để thu lợi. Khoảng 19 giờ ngày 11/02/2018, có cho Nguyễn Thị Thanh T1 thuê phòng để bán dâm cho Hồ Minh T3, sau đó tiếp tục cho Nguyễn Thị Thanh T1 thuê phòng bán dâm cho ông Trần Văn T2 thì bị Công an bắt quả tang.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát, phù hợp với lời khai của bị cáo, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và lời khai của người làm chứng tại Cơ quan Điều tra trong quá trình điều tra vụ án. Lời khai của bị cáo còn phù hợp với các tài liệu, các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 11/02/2018, Biên bản kiểm tra đồ vật, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Phú lập ngày 11/02/2018, Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 12/02/2018, các biên bản đối chất, làm việc do Cơ quan Điều tra lập giữa bị cáo với các Mai Thị HD, Nguyễn Thị Bảo T4, Lữ Thị Tuyết L, Nguyễn Thị Kim T5, Nguyễn Thị Huỳnh N..

Như vậy, căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, đối chiếu với các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2017 đến ngày 11/02/2018 bị cáo Châu Thị Đ có nhiều lần cho Nguyễn Thị Huỳnh N, Nguyễn Thị Bảo T4, Lữ Thị Tuyết L, Nguyễn Thị Kim T5, Nguyễn Thị Thanh T1 và nhiều gái bán dâm khác thuê phòng trọ để thực hiện hành vi mua bán dâm. Hành vi trên đây của bị cáo đã phạm tội “Chứa mại dâm” được quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự là phạm tội 02 lần trở lên, chứa mại dâm 04 người trở lên. Do đó, bản Cáo trạng số 21/CT-VKSCP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo, xét thấy:

Trong thời gian qua Đảng và Nhà nước ta có nhiều chủ trương, biện pháp nhằm tuyên truyền chống lại các tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn mại dâm và ma túy. Mọi hoạt động liên quan đến mại dâm là vi phạm pháp luật, phải bị xử lý kịp thời và nghiêm minh.

Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chứa mại dâm là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý cho những cô gái bán dâm thuê phòng trọ do mình quản lý để thực hiện hành vi phạm tội, đây là hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Nhà trọ TT do bà D làm chủ nhưng bà D đã giao cho bị cáo trực tiếp quản lý điều hành mọi hoạt động kinh doanh của nhà trọ. Trong thời gian được giao nhiệm vụ quản lý nhà trọ, bị cáo biết Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Kim T5, Nguyễn Thị Huỳnh N, Nguyễn Thị Bảo T4 (Chuột), Lữ Thị Tuyết L và một số người phụ nữ khác như: M, L1, N1, N2, D, T6, T7, T8, T9, T10 là gái bán dâm, thuê phòng trọ để làm nơi bán dâm, nhưng vì hám lợi mà bị cáo đã không

tuân theo quy định về kinh doanh nhà trọ, chấp nhận cho những người này nhiều lần thuê phòng trọ thuộc nhà trọ mà bị cáo quản lý để thực hiện hành vi bán dâm cho khách, nhằm mục đích thu lợi từ tiền cho thuê phòng trọ.

Hành vi của bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, xâm phạm đến an toàn công cộng, gây mất trật tự trị an của địa phương, làm ảnh hưởng đến xây dựng nếp sống văn minh lành mạnh. Do đó cần bắt bị cáo phải chấp hành một hình phạt tù tương ứng với tính chất, mức độ của hành vi bị cáo đã thực hiện để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự thú khai ra những lần phạm tội trước đó; bị cáo là phụ nữ đã hết tuổi lao động, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, nên có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Hội đồng xét xử quyết định áp dụng một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 327 Bộ luật hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, xét bị cáo không có tài sản, bị cáo chỉ là người được thuê quản lý nhà trọ, phạm tội vì muốn thu hút nhiều khách đến trọ, không trực tiếp được hưởng tiền cho gái bán dâm thuê phòng trọ, hiện bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 9.820.000 đ, trong đó bao gồm: 400.000đ do Trú bán dâm trong ngày 11/02/2018 có được; 150.000đ do Châu Thị Đ thu tiền phòng của T1 và L đến thuê phòng để bán dâm ngày 11/02/2018 và 9.270.000đ thu được từ việc bị cáo cho gái bán dâm thuê phòng trọ để bán dâm từ tháng 7/2017 ngày 11/02/2018 (Số tiền này do Mai Thị HD giao nộp). Xét, đây là những khoản tiền do vi phạm pháp luật, do phạm tội mà có, nên tuyên tịch thu để nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với các đồ vật gồm: 07 cái bao cao su hiệu CondomHualei, chưa qua sử dụng; 03 cái bịch sữa tắm hiệu Familiar, chưa qua sử dụng; 01 cái bao và 01 cái vỏ bao cao su hiệu CondomHualei đã qua sử dụng. Xét, đây là vật có liên quan đến tội phạm, vi phạm pháp luật, vật không có giá trị nên tuyên tịch thu để tiêu hủy.

- Đối với 01 quyển tập học sinh bên trong có chữ viết, chữ ký của Châu Thị Đ. Xét, bị cáo sử dụng quyển tập này dùng để ghi tên khách thuê phòng trọ và số tiền thu được hằng ngày. Đây là tài liệu, chứng cứ có liên quan đến tội

phạm, là một trong những tài liệu có giá trị chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tuyên tịch thu để lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

Điểm c, d khoản 2 điều 327; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự;

Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự;

Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Châu Thị Đ phạm tội “*Chứa mại dâm*”.

Xử phạt: Châu Thị Đ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án.

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 9.820.000 đ (Chín triệu tám trăm hai chục ngàn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy các đồ vật gồm: 07 (Bảy) cái bao cao su, hiệu CondomHualei (chưa qua sử dụng); 03 (Ba) cái bọc sữa tắm hiệu Familiar (chưa qua sử dụng); 01 (Một) cái vỏ bao cao su hiệu CondomHualei và 01 (Một) cái bao cao su (đã qua sử dụng).

Tất cả số tiền và các đồ vật nêu trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/10/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Phú và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú (Kèm theo biên lai thu tiền số 0007411 ngày 26/10/2018 và biên lai thu tiền số 000742 ngày 26/10/2018).

- Tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án 01 (Một) quyển tập học sinh bên trong có chữ viết và chữ ký của Châu Thị Đ (Hiện đang có trong hồ sơ vụ án).

Về án phí: Buộc Châu Thị Đ phải chịu 200.000 đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo và các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo (1);
- Đương sự (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Châu Phú (1);
- Nhà tạm giữ, THAHS CA HCP (2);
- Chi cục THADS huyện CP (2);
- Bộ phận THA Tòa án (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Sở Tư Pháp (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1);
- Lưu VT (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Hồng Sơn